

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ “Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tỉnh Thanh Hóa năm 2026”

Thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; Thông tư số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ “Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tỉnh Thanh Hóa năm 2026”, với các nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

Điều tra khảo sát, thu thập thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; đánh giá hiện trạng, diễn biến xu thế chất lượng môi trường vùng biển, ven biển tại các cảng biển, cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, khu du lịch biển, mặt cắt rộng phía biển nhằm phục vụ quản lý hiệu quả tài nguyên, môi trường vùng biển và ven biển tỉnh, góp phần kiểm soát ô nhiễm môi trường biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

II. PHẠM VI KHẢO SÁT, LẤY MẪU PHÂN TÍCH

Khu vực vùng biển ven bờ tỉnh Thanh Hóa (cụ thể là các cảng biển, cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, khu du lịch biển, mặt cắt rộng phía biển).

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Điều tra khảo sát, thu thập thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh, cụ thể:

a) Năng lực quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo: Hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo đối với các tổ chức, cá nhân; cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

b) Bảo vệ chất lượng môi trường biển, hải đảo: Điều tra, thống kê, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; quản lý chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường các khu vực ven biển.

c) Bảo vệ hệ sinh thái biển, hải đảo: Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái các hệ sinh thái biển và hải đảo; cải thiện và phục hồi các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái; bảo vệ và phát triển các khu vực rừng ngập mặn, rừng trồng, rừng phòng hộ ven biển.

2. Quan trắc, thu mẫu môi trường nước biển, trầm tích, sinh vật biển, không khí, cụ thể:

a) Mạng điểm quan trắc

- Quan trắc, thu mẫu môi trường nước biển, trầm tích, sinh vật biển, không khí tại các cảng biển, cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão (16 điểm, mỗi điểm lấy 01 vị trí tại vùng nước trước bến cập tàu) gồm: Bến cá Mộng Giường; cảng cá Hoàng Phụ; cảng cá Hải Châu; cảng nhiệt điện Nghi Sơn; cảng cá Hòa Lộc; cảng cá Lạch Hới; cảng cá Lạch Bạng; cảng cá Hoàng Trường; cảng cá Quảng Nham; cảng xi măng Nghi Sơn; khu neo đậu tránh trú bão Lạch Bạng; khu neo đậu tránh trú bão Quảng Tiến; cảng Anh Phát; cảng Đại Dương; cảng Tổng hợp Long Sơn; cảng Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

- Quan trắc, thu mẫu môi trường trầm tích, sinh vật biển, không khí tại các khu du lịch biển, mặt cắt rộng phía biển (10 điểm, mỗi điểm lấy 1 vị trí) gồm: Khu du lịch biển cách bờ 100 m: Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa; tại các khu mặt cắt cách bờ 03 hải lý: cửa Lạch Sung; cửa Lạch Trường; cửa Hới; biển Sầm Sơn; cửa Lạch Ghép; cửa Lạch Bạng; cảng Nghi Sơn *(kế thừa kết quả quan trắc nước biển ven bờ tại Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”)*.

b) Về tần suất và các thông số quan trắc

- Tần suất quan trắc môi trường: Tần suất 2 lần/năm, vào mùa khô và mùa mưa.

- Thông số quan trắc

+ Đối với môi trường nước biển ven bờ (21 chỉ tiêu):

Thông số đo, phân tích tại hiện trường (02 chỉ tiêu) độ pH, hàm lượng oxy hòa tan (DO).

Thông số phân tích trong phòng thí nghiệm (19 chỉ tiêu): Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (NH_4^+), florua (F^-), PO_4^{3-} , asen (As), chì (Pb), cadimi (Cd),

thủy ngân (Hg), đồng (Cu), sắt (Fe), mangan (Mn), kẽm (Zn), Cr^{6+} , tổng Crom, xianua (CN^-), tổng phenol, dầu mỡ khoáng, coliform tổng số, tổng hydrocacbon dầu (TPH).

+ Đối với trầm tích biển (10 chỉ tiêu): Crom (Cr), cadimi (Cd), asen (As), kẽm (Zn), chì (Pb), thủy ngân (Hg), đồng (Cu), sắt (Fe), xianua (CN^-), tổng phenol.

+ Đối với sinh vật biển (03 chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu phân tích mẫu định tính và mẫu định lượng): Thực vật nổi, động vật nổi, động vật đáy.

+ Đối với không khí (05 chỉ tiêu): Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO_2 , SO_2 , O_3 .

3. Tổng hợp, biên soạn báo cáo kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển đợt 1, đợt 2; báo cáo tổng hợp kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tỉnh Thanh Hóa năm 2026.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Năm 2026.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Ngân sách tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Biển đảo và Thủy sản (đơn vị được giao nhiệm vụ) thực hiện các nội dung sau:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ “Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tỉnh Thanh Hóa năm 2026” trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường ven biển tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu; thông báo kết quả thực hiện Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tỉnh Thanh Hóa đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường ven biển để làm tài liệu phục vụ chương trình phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch này, yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Biển đảo và Thủy sản tiếp tục rà soát, đối chiếu để tránh trùng lặp vị trí lấy mẫu với các nhiệm vụ, nội dung mà các đơn vị khác đang được giao thực hiện và các nội dung khác có liên quan, bảo đảm việc triển khai được hiệu quả, thống nhất và đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường lập, căn cứ khả năng ngân sách, thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt đảm bảo theo quy định.

3. UBND các xã, phường ven biển

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để cung cấp thông tin, số liệu và triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c)
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Chi cục Biển đảo và Thủy sản Thanh Hóa;
- UBND các xã, phường ven biển;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường